

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/HS-PT**
Ngày: 12/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Thu Hằng và bà Lê Thị Thái Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2018/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố Ninh T, phường 9, thành phố H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Viên chức nhà nước; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là nhân viên điều dưỡng của Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên. Do vay mượn nhiều người nhưng không có khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện được hành vi lừa đảo, T đưa ra thông tin gian dối có quen biết với nhiều cán bộ có chức quyền ở tỉnh

Phú Yên và có khả năng xin được việc làm, lo thi đậu biên chế và xin chuyển công tác để những người có nhu cầu tìm gặp T nhờ giúp đỡ. Khi những người có nhu cầu gặp T và đặt vấn đề thì T nhận lời và yêu cầu họ đưa hồ sơ, đưa tiền để T lo lót. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền và hồ sơ thì T không liên hệ để xin việc làm, lo thi biên chế và xin chuyển công tác mà chiếm đoạt tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn trên, từ tháng 06/2013 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thị T đã thực hiện 09 vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 398.000.000 đồng. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Do có thời gian cùng làm việc tại Trung tâm y tế huyện Sông H nên T có vay của Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967, ở 46/6 Nguyễn Thái H, phường 5, thành phố Tuy H số tiền 109.000.000 đồng và 08 chỉ vàng y nhưng không có khả năng trả. Tháng 06/2013, biết T1 đang cần xin việc cho con gái là Nguyễn Thị Thương T, nên T nói có quen biết một số người ở Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch đầu tư và đặt vấn đề giúp xin việc làm cho T, được T1 đồng ý, đổi lại T1 sẽ giảm lãi xuất vay và bồi dưỡng thêm cho T. Đồng thời, T yêu cầu T1 đưa hồ sơ và 80.000.000 đồng để lo xin việc. Do tin tưởng nên T1 đưa 80.000.000 đồng cho T. Sau khi lấy tiền, T không liên hệ với ai nộp hồ sơ để xin việc mà chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 4/2016, thông qua ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1962 (pháp hiệu Thích Quảng Đ), trụ trì chùa Hòa S ở thôn Phú V, xã Bình K, thành phố Tuy H. Nguyễn Thị T biết cháu của ông Đ là Lương Thị Minh N có nhu cầu xin việc làm nên T gặp ông Đ đặt vấn đề lo cho N vào làm hộ lý tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên. Sau đó, ông Đ trao đổi và được N đồng ý. T yêu cầu N đem hồ sơ xin việc nộp tại phòng tổ chức của Bệnh viện đa khoa tỉnh và đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi nhận 20.000.000 đồng T không xin việc cho N mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng đầu tháng 6/2016, Nguyễn Thị T biết bà Đỗ Thị N, sinh năm 1957, ở 218 Nguyễn Công T, phường 4, thành phố Tuy H đang cần xin việc làm cho con trai là anh Phạm Minh N1, nên T gặp bà N và đặt vấn đề lo xin việc giúp N1 vào làm lái xe tại Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, bà N đồng ý. T yêu cầu bà N đưa hồ sơ của anh N1 và số tiền 20.000.000 đồng để T lo xin việc. Sau khi nhận 20.000.000 đồng, T không lo xin việc mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ tư: Khoảng đầu tháng 07/2016, thông qua ông Nguyễn Minh Đ, T biết chị Phạm Thị Vũ T, sinh năm 1973, ở thôn Phú V, xã Bình K, thành phố Tuy H có nhu cầu xin việc làm cho con gái là Nguyễn Thị Mỹ L. Sau khi trao đổi, T nhận lời xin cho L vào làm hộ lý tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên, đồng thời yêu cầu T đưa hồ sơ

xin việc của L và số tiền 43.000.000 đồng để T lo xin việc. Sau khi nhận 43.000.000 đồng, T không lo xin việc mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ năm: Khoảng tháng 05/2017, Nguyễn Thị T biết chồng của chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1989, ở khu phố 1, phường Phú Đ, thành phố Tuy H là anh Nguyễn Quang N, muốn xin chuyển công tác từ Trường trung học cơ sở (THCS) Trần Cao V, xã An P, thành phố Tuy H về Trường THCS Trần Hưng Đ, phường Phú Đ, thành phố Tuy H nên đặt vấn đề với chị Mỹ L là sẽ lo giúp cho anh N chuyển trường với số tiền 50.000.000 đồng, chị Mỹ L đồng ý. Sau khi nhận 50.000.000 đồng, T không lo xin chuyển công tác cho anh N mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ sáu: Khoảng đầu tháng 07/2016, thông qua giới thiệu của chị Nguyễn Thị Mỹ L, T biết ông Nguyễn N (cha chồng của Mỹ L), sinh năm 1966, ở khu phố 1, phường Phú Đ, thành phố Tuy H có nhu cầu thi đậu biên chế vào ngành Y tế cho con trai là Nguyễn Anh H, nên đến nhà và đặt vấn đề lo giúp H thi đậu biên chế vào ngành Y tế với số tiền 50.000.000 đồng thì ông N đồng ý. Sau khi nhận 50.000.000 đồng, T không lo thi đậu biên chế cho H mà chiếm đoạt số tiền tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ bảy: Khoảng tháng 06/2017, thông qua sự giới thiệu của chị Nguyễn Thị Mỹ L, T biết chị Nguyễn Thị Tuyết S (bạn chị Mỹ L), sinh năm 1990, ở thôn Cảnh P, xã Hòa Tân Đ, huyện Đông H đang tìm người lo giúp thi đậu biên chế vào ngành Y tế nên nói với Mỹ L là sẽ nhờ anh S làm việc tại cơ quan nhà nước tỉnh lo giúp cho Tuyết S thi đậu với giá 70.000.000 đồng, Mỹ L nói lại với Tuyết S và Tuyết S đồng ý. Sau đó, thông qua Mỹ L, T yêu cầu Tuyết S đưa trước 35.000.000 đồng. Sau khi nhận 35.000.000 đồng, T không lo thi đậu biên chế cho Tuyết S mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ tám: Khoảng tháng 06/2017, thông qua chị Nguyễn Thị Mỹ L, T nói với chị Nguyễn Thị Kim L (cô ruột Mỹ L), sinh năm 1966, ở thôn Phú P, xã An C, huyện Tuy A là có thể lo giúp thi đậu biên chế vào ngành Y tế cho con gái của chị Kim L là Phạm Thị Kim H, với số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi nhận 40.000.000 đồng, T không lo thi đậu biên chế cho H mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ chín: Khoảng tháng 06/2017, Nguyễn Thị T biết chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994, ở khu phố Ninh T, phường 9, thành phố Tuy H đang muốn thi vào biên chế ngành Y tế nên Thừa gặp T đặt vấn đề lo giúp cho T thi đậu với giá 60.000.000 đồng và T đồng ý. Sau khi nhận 60.000.000 đồng, T không lo thi đậu biên chế cho T mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng tháng 08/2017, sau khi T chiếm đoạt tiền của các trường hợp nêu trên mà không lo chạy xin việc, lo thi đậu biên chế và chuyển công tác, sợ bị phát hiện nên đến nhà ông Đặng Văn L, sinh năm 1963, ở khu phố Liên T, phường 9, thành phố Tuy H nhờ ông L nếu có ai gọi điện thoại đến thì giới thiệu tên là “Sáu L”, khi họ hỏi công việc giúp cho họ thì cứ nói “từ từ, sẽ trả lời sau”, đồng thời viết tên, số tiền của những người mà T đã nhận tiền lên 02 tờ giấy đưa cho ông L để ông L trả lời khi có người gọi đến. Khi ông L phát hiện T có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì ông L đã thông báo cho người bị hại là anh Nguyễn Quang N biết và làm đơn tố cáo.

Tại Kết luận giám định số 08/GĐ-PC54 ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, xác định: Chữ viết trên các giấy nhận tiền, ký hiệu từ A1 đến A7 và chữ viết trên bản tự khai ngày 27/10/2017 của Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/05/1967, trú tại: Khu phố Ninh T, phường 9, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên là do cùng 01 người viết và ký.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tuyên Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt Nguyễn Thị T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2018, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị T, đồng thời không chấp nhận kháng cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trang tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp phúc thẩm đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 27/02/2019 và giao hợp lệ cho bị cáo Nguyễn Thị T; tuy nhiên bị cáo Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do lần thứ nhất, nên Tòa án đã Quyết định hoãn

phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/03/2019; sau khi nhận được Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn xin hoãn phiên tòa để đi khám bệnh. Xét thấy, sự vắng mặt của bị cáo Nguyễn Thị T không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo có kháng cáo theo điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thị T đã nói dối, quen biết với nhiều cán bộ có chức quyền ở tỉnh Phú Yên và có khả năng xin được việc làm, lo thi đậu biên chế và xin chuyển công tác. Tin tưởng lời T nói là thật, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2013 đến tháng 7/2017; bà Nguyễn Thị T đã đưa cho T 80.000.000 đồng để lo cho con gái là Nguyễn Thị Thương T vào làm việc ở Sở Tài Chính hoặc Sở Kế hoạch đầu tư; Lương Thị Minh N đã đưa cho T 20.000.000 đồng để lo vào làm hộ lý tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên; bà Đỗ Thị N đã đưa cho T 20.000.000 đồng để lo cho con trai là anh Phạm Minh N vào làm lái xe tại Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; bà Phạm Thị Vũ T đã đưa cho T 43.000.000 đồng để lo cho con gái là Nguyễn Thị Mỹ L vào làm hộ lý tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên; bà Nguyễn Thị Mỹ L đã đưa cho T 50.000.000 đồng để lo cho chồng là anh Nguyễn Quang N chuyển công tác từ Trường trung học cơ sở Trần Cao V, xã An P, thành phố Tuy H về Trường trung học cơ sở Trần Hưng Đ, phường Phú Đ, thành phố Tuy H; ông Nguyễn N đã đưa cho T 50.000.000 đồng để lo cho con trai là Nguyễn Anh H thi đậu biên chế vào ngành Y tế; bà Nguyễn Thị Tuyết S đã đưa cho T 35.000.000 đồng để lo thi đậu biên chế vào ngành Y tế; bà Nguyễn Thị Kim L đã đưa cho T 40.000.000 đồng để lo cho con gái là Phạm Thị Kim H thi đậu biên chế vào ngành Y tế; bà Nguyễn Thị Thanh T đã đưa cho T 60.000.000 đồng để lo thi đậu vào biên chế ngành Y tế; tổng cộng 398.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền T không thực hiện như đã hứa, mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại trái pháp luật, gây mất niềm tin của nhân dân đối với cơ quan Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử lý nghiêm. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, để phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù là thỏa đáng, đáp ứng được yêu cầu phòng chống loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng tại địa phương trong thời gian qua. Do đó, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo là không có căn cứ nên không chấp nhận,

mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên - giữ nguyên bản án sơ thẩm để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T - 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (2);
- PV27 (1); PC 14 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng

- Luru AV, HS